

PHẦN I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. (B,D.1) Đâu **KHÔNG** phải là dấu hiệu của các trò lừa đảo trên internet?

- A. Những lời quảng cáo đánh vào lòng tham vật chất.
- B. Tin nhắn của người lạ hay đại diện cho một tổ chức nào đó liên quan đến tiền bạc.
- C. Những lời giới thiệu gây sự tò mò, hiếu kì.
- D. Thư mời tham gia câu lạc bộ của trường.

Câu 2. (B,D.1) Để bảo vệ thông tin cá nhân, em hãy cho biết **KHÔNG** nên làm những việc nào trong các việc sau đây:

- A. Thay đổi mật khẩu hằng ngày.
- B. Cài đặt phần mềm diệt virus.
- C. Hạn chế đăng nhập ở nơi công cộng (quán cà phê, nhà ga, sân bay,...).
- D. Từ chối cung cấp thông tin cá nhân chỉ để đọc tin tức, tải tệp, mua hàng qua mạng.

Câu 3. (B,D.1) Theo em, những tình huống nào sau đây là rủi ro khi sử dụng Internet?

- A. Hoàn thành chương trình học ngoại ngữ trực tuyến.
- B. Dễ dàng giao tiếp và kết nối.
- C. Tiếp cận thông tin nhanh chóng.
- D. Máy tính bị hỏng do nhiễm virus hoặc mã độc.

Câu 4. (B,D.1) Nếu bạn thân của em muốn mượn tên đăng nhập và mật khẩu tài khoản trên mạng của em để sử dụng trong một thời gian, em sẽ làm gì?

- A. Cho mượn ngay không cần điều kiện gì.
- B. Không cho mượn, bảo bạn tự tạo một tài khoản riêng, nếu cần em có thể hướng dẫn.
- C. Cho mượn một ngày thôi rồi lấy lại, chắc không có vấn đề gì.
- D. Cho mượn nhưng yêu cầu bạn phải hứa là không được dùng để làm việc gì không đúng.

Câu 5. (H,D.1) Bài kiểm tra bị điểm chưa Đạt của em bị bạn cùng lớp chụp và gửi lên mạng Internet. Em đã nhắn tin yêu cầu bạn gỡ bài xuống nhưng bạn không gỡ, em nên làm gì?

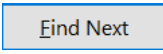
- A. Không làm gì cả.
- B. Đăng bài công khai trên Internet nói xấu bạn đó.
- C. Nói với bố mẹ hoặc thầy cô giáo giúp.
- D. Đi đánh bạn đó để yêu cầu gỡ bài.

Câu 6. (H,D.1) Chọn đáp án **SAI**. Để xây dựng một mật khẩu mạnh ta nên đặt như thế nào?

- A. Gồm ít nhất 8 kí tự trong đó có cả chữ hoa, chữ thường, chữ số và kí tự đặc biệt.
- B. Mật khẩu càng dài thì càng mạnh.
- C. Nên đưa thông tin cá nhân như họ tên, ngày sinh, địa chỉ,... vào mật khẩu.
- D. Để dễ nhớ chúng ta có thể sử dụng những từ trong một câu thơ, một đoạn văn nào đó.

Câu 7. (B,E.1) Thao tác nào **KHÔNG** phải là thao tác định dạng văn bản?

- A. Thay đổi kiểu chữ thành chữ nghiêng.
- B. Chọn chữ màu xanh.
- C. Căn giữa đoạn văn bản.
- D. Thêm hình ảnh vào văn bản.

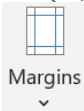
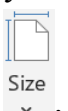
Câu 8. (B,E.1) Trong hộp thoại Find and Replace, nhấn nút lệnh  để làm gì?

- A. Thay thế cụm từ vừa tìm được.
- B. Bỏ qua cụm từ vừa tìm được và tìm cụm từ tiếp theo.
- C. Thay thế tất cả các cụm từ vừa tìm được.
- D. Thoát khỏi hộp thoại.

Câu 9. (B,E.1) Nút lệnh nào sau đây có tác dụng căn thẳng lề phải?

A. B. C. D. 

Câu 10. (B,E.1) Trong định dạng trang, lệnh chọn khổ giấy là:

A. B. C. D. 

Câu 11. (H,E.1) Thao tác trên hình là chọn đối tượng nào của bảng?



Năm học	Số lượng
2017 - 2018	5 373 639
2018 - 2019	5 455 875

A. Chọn hàng.

B. Chọn cột.

C. Chọn bảng.

D. Chọn ô.

Câu 12. (H,E.1) Trong nhóm lệnh Row & Columns, nút lệnh Insert Left  dùng để:

A. Chèn một hàng mới bên trên ô hiện thời.

B. Chèn một hàng mới bên dưới ô hiện thời.

C. Chèn một cột mới bên trái ô hiện thời.

D. Chèn một cột mới bên phải ô hiện thời.

PHẦN II: Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. 0.25 Điểm

Câu 1. (D.1;B,B,H,V) Lan và Hoa trao đổi với nhau về cách chia sẻ thông tin một cách an toàn và hợp pháp có nhận xét:

- a) Sử dụng mạng xã hội chia sẻ những thông tin sai sự thật về một vấn đề nào đó. (S)
- b) Tránh đưa những thông tin chưa được kiểm chứng rõ ràng lên mạng xã hội. (Đ)
- c) Không đăng những thông tin sai sự thật hoặc những điều làm tổn thương người khác. (Đ)
- d) Không đăng những thông tin vi phạm pháp luật, trái với chủ trương của Nhà nước. (Đ)

Câu 2. (E.1;B,B,H,V) Bạn Lan được giao nhiệm vụ chuẩn bị một bài viết giới thiệu về **Tết cổ truyền Việt Nam** để dán lên bảng tin của lớp. Tuy nhiên, đoạn văn bản của bạn Lan vẫn chưa được định dạng, khiến bài viết trông đơn điệu và khó thu hút. Cô giáo yêu cầu Lan phải định dạng đoạn văn bản sao cho đẹp mắt và dễ đọc, đồng thời phải thể hiện được nội dung chính một cách nổi bật. Bạn Lan sẽ thực hiện một số thao tác sau:

- a) Căn lề đoạn văn bản. (Đ)
- b) Thụt lề cho dòng đầu tiên. (Đ)
- c) Khoảng cách dòng, đoạn văn bản. (Đ)
- d) Thay đổi nội dung đoạn văn. (S)

Câu 3. (E.1;B,B,H,V) Sau khi học bài trình bày trang, định dạng và in văn bản. An có nhận xét:

- a) Định dạng văn bản gồm định dạng kí tự, định dạng đoạn và định dạng trang. (S)
- b) Định dạng trang chính là căn lề trang. (Đ)
- c) Độ lệch của đoạn văn bản so với lề trái chính là lề trái của trang. (Đ)
- d) Định dạng kí tự và định dạng đoạn có các bước thực hiện tương tự nhau. (S)

Câu 4. (E.1;B,B,H,V) Trong khi làm việc với bảng trong các trình soạn thảo văn bản như Microsoft Word hoặc các phần mềm tương tự, bạn có thể di chuyển con trỏ soạn thảo đến các ô trong bảng. Dưới đây là các cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng:

- a) Chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím. (S)
 b) Chỉ sử dụng chuột. (S)
 c) Sử dụng thanh cuộn ngang, dọc. (S)
 d) Sử dụng chuột, phím, Tab, các phím mũi tên. (Đ)

PHẦN III: Tự luận.

Cho văn bản sau (áp dụng cho câu 1, 2)

CHUYẾN THAM QUAN ĐÁNG NHỚ

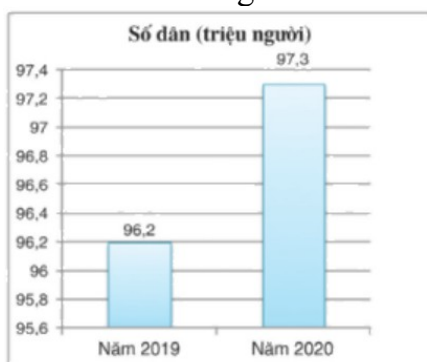
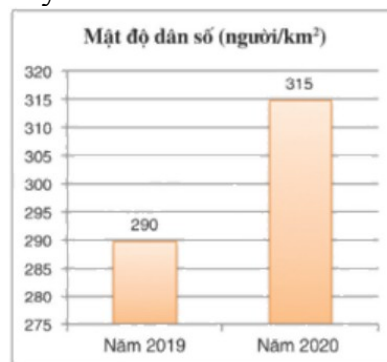
Tý có 30.000 đồng là tiền thừa dành dụm được sau những lần mẹ cho tiền ăn sáng hoặc mua sách, báo. Ở chỗ tham quan, Tý có thể mua một cái rubik rất đẹp, giá 20.000 đồng hoặc mua chiếc quạt cầm tay nhìn rất lạ, giá 26.000 đồng. Tý thích chiếc quạt hơn. Tý còn định mua một tấm thẻ lưu niệm nhỏ xinh để lúc về sẽ tặng mẹ. Tấm thẻ này giá 3.500 đồng.

Lúc chuẩn bị mua chiếc quạt, Tý bỗng thấy bạn Tèo đứng nhìn chiếc quạt vẻ muốn mua. Thì ra bạn Tèo chỉ cầm đi có 20.000 đồng nên không đủ tiền mua nó. Tý quyết định cho bạn Tèo 6.000 đồng để có đủ tiền mua chiếc quạt, còn mình mua cái rubik. Số tiền còn lại vẫn đủ để Tý mua tấm thẻ tặng mẹ.

Câu 1. (1.0 điểm) Sử dụng các công cụ định dạng đoạn để định dạng văn bản trên khoa học và có tính thẩm mỹ.

Câu 2. (1.0 điểm) Hãy trình bày cách sử dụng công cụ Tìm kiếm và Thay thế để thay tất cả các từ “Tý” bằng cụm từ “bạn Tý” để nhân vật Tý được nhắc đến một cách trìu mến trong câu chuyện.

Câu 3. (1.0 điểm) Nêu các bước thực hiện tạo một bảng để tóm tắt và trình bày thông tin về dân số, mật độ dân số của nước ta trong hai biểu đồ sau đây



--Hết--

ĐÁP ÁN

PHẦN I: (3.0 điểm, mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	A	D	B	C	C	D	B	B	C	A	C

PHẦN II: (4.0 điểm, mỗi ý đúng được 0.25 điểm)

Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)	Câu	Lệnh hỏi	Đáp án (Đ/S)
1	a	S	2	a	Đ
	b	Đ		b	Đ
	c	Đ		c	Đ
	d	Đ		d	S
3	a	S	4	a	S
	b	Đ		b	S

	c	Đ		c	S
	d	S		d	Đ

PHẦN III: (3.0 điểm, mỗi câu 1.0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm								
1	- Tiêu đề:	0.25								
	+ Căn giữa  .	0.25								
	- Nội dung văn bản:	0.25								
	+ Căn thẳng cả hai lề  .	0.25								
	+ Thụt lề dòng đầu đoạn văn: nhấn phím Tab hoặc kéo thước	0.25								
	+ Độ dẫn dòng   .									
2	- B1: Nháy chuột vào lệnh Replace.	0.25								
	- B2: Nhập "Tý" vào ô Find What.	0.25								
	- B3: Nhập "bạn Tý" vào ô Replace with.	0.25								
	- B4: Nếu tìm thấy, bấm vào nút Replace All để thay thế tất cả các từ "Tý" thành cụm từ "bạn Tý".	0.25								
3	- B1. Đặt con trỏ soạn thảo tại vị trí cần chèn bảng	0.25								
	- B2. Chọn Insert → Table	0.25								
	- B3. Kéo sang phải chọn 3 ô, kéo xuống dưới chọn 3 ô, thả chuột	0.25								
	- B4. Nhập dữ liệu theo mẫu sau:	0.25								
	<table><tr><th>Năm</th><th>Dân số</th><th>Mật độ dân số</th></tr><tr><td>2019</td><td>96,2</td><td>290</td></tr><tr><td>2020</td><td>97,3</td><td>315</td></tr></table>	Năm	Dân số	Mật độ dân số	2019	96,2	290	2020	97,3	315
Năm	Dân số	Mật độ dân số								
2019	96,2	290								
2020	97,3	315								

ĐỀ 2**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TIN 6****Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn(mỗi câu 0,25 điểm)****Chọn đáp án đúng nhất từ các đáp án A, B, C, D.****Câu 1:** Phương án nào sau đây **không phải** là quy tắc an toàn khi sử dụng Internet?

- A.** Im lặng, không chia sẻ với gia đình khi bị đe dọa, bắt nạt qua mạng
- B.** Giữ an toàn thông tin cá nhân và gia đình
- C.** Không được một mình gặp gỡ người mà em chỉ mới quen qua mạng
- D.** Đừng chấp nhận các lời mời vào các nhóm trên mạng mà em không biết.

Câu 2: Em hãy tìm phương án **ĐÚNG**

Khi đăng nhập vào tài khoản cá nhân trên các máy tính công cộng, việc nên làm là:

- A.** để chế độ tự động đăng nhập
- B.** để chế độ ghi nhớ mật khẩu
- C.** không cần phải thoát tài khoản sau khi sử dụng
- D.** không để chế độ ghi nhớ mật khẩu và đăng xuất tài khoản sau khi sử dụng

Câu 3. Em hãy chọn phương án **ĐÚNG**

Người ta thường dùng sơ đồ tư duy để:

- A. học các kiến thức mới
- B. không cần phải suy nghĩ gì thêm khi học tập
- C. tổng hợp và ghi nhớ kiến thức tốt hơn
- D. bảo vệ thông tin cá nhân

Câu 4. Chọn đáp án Đúng

Sơ đồ tư duy được tạo nên bởi:

- A. âm thanh, hình ảnh, màu sắc
- B. chủ đề chính, chủ đề nhánh, các đường nối
- C. các kiến thức em được học
- D. các ý nghĩ trong đầu em

Câu 5. Để tạo sơ đồ tư duy em **CẦN**:

- A. vẽ chủ đề chính ở bên phải tờ giấy để tiện kết nối chủ đề chính với các chủ đề phụ
- B. tạo nhánh từ các chủ đề phụ
- C. thêm từ khóa, tạo các nhánh và chọn màu khác nhau
- D. xác định chủ đề chính, tạo nhánh, thêm từ khóa và chọn màu khác nhau cho nhánh.

Câu 6. Em hãy chọn phương án **ĐÚNG**

Sơ đồ tư duy gồm các thành phần:

- A. phần, bảng, bút, giấy, mực
- B. các phần mềm máy tính
- C. từ ngữ ngắn gọn, hình ảnh, màu sắc, đường nối...
- D. đồ vật, con người, cảnh vật...

Câu 7: Hãy chọn phương án **ĐÚNG**?

Những phần văn bản được phân cách nhau bởi dấu chấm được gọi là:

- A. dòng
- B. trang
- C. đoạn
- D. câu

Câu 8: Thao tác nào sau đây **KHÔNG** phải là thao tác định dạng văn bản

- A. Căn trái đoạn văn bản
- B. Giãn dòng văn bản
- C. Thêm hình ảnh vào văn bản
- D. Thay đổi cơ chữ cho văn bản

Câu 9: Trong những thao tác dưới đây, đâu là thao tác **ĐẦU TIÊN** khi muốn thay đổi phông chữ?

- A. Vào thẻ Home chọn lệnh Font
- B. Chọn các đoạn văn bản cần đổi phông chữ
- C. Nhấn chọn phông chữ cần thay đổi
- D. Nhấn Enter

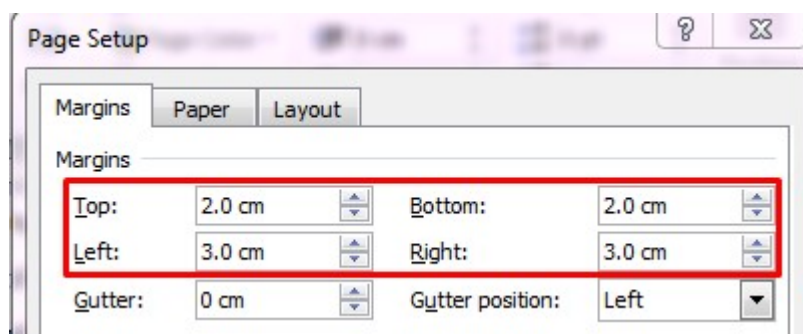
Câu 10. Chọn phương án đúng?

Lệnh Landscape dùng để:

- A. chọn hướng trang ngang
- B. chọn hướng trang đứng
- C. chọn lề trang

D. chọn lề của đoạn văn

Câu 11. Ý nghĩa của các nội dung được khoanh trong hình dưới đây là:



A. cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm

B. cho biết lề trên và lề dưới là 3.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm

C. cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 3.0cm

D. cho biết lề trên và lề dưới là 2.0cm, lề trái và lề phải là 2.0cm

Câu 12. Nhu cầu xử lí thông tin dạng bảng có tác dụng:

A. dễ so sánh, tổng hợp dữ liệu

B. dễ in ra giấy, dễ di chuyển

C. biểu diễn dữ liệu số tốt hơn dữ liệu kí tự

D. dễ di chuyển, sao chép dữ liệu

Câu 13. Em có thể sử dụng lệnh nào sau đây để tạo bảng?

A. Insert/Table

B. View/Table

C. File/Table

D. Review/Table

Câu 14. Nội dung của các ô trong bảng có thể chứa:

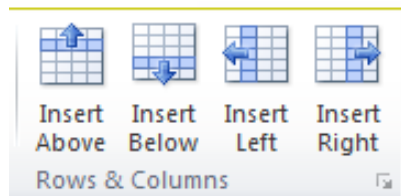
A. chỉ chứa hình ảnh và kí tự

B. kí tự (chữ, số, kí hiệu, kí tự đặc biệt), hình ảnh...

C. chỉ chứa số và phép toán

D. chỉ chứa kí tự cơ bản, không chứa được kí tự đặc biệt

Câu 15. Nhóm các nút lệnh trong hình dưới đây có chức năng:



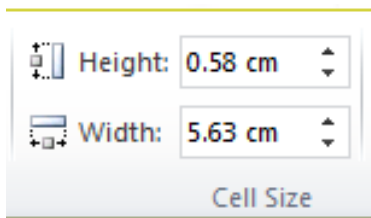
A. chèn thêm hàng, cột

B. điều chỉnh kích thước dòng, cột

C. căn chỉnh lề, hướng của văn bản trong ô

D. gộp tách ô, tách bảng

Câu 16. Nhóm lệnh ở hình dưới đây có chức năng gì?



- A. Xóa kích thước bảng
- B. Điều chỉnh kích thước bảng
- C. Điều chỉnh độ rộng của ô
- D. Chèn kích thước của ô

Phần II. Trắc nghiệm đúng/sai (mỗi câu 1,0 điểm)

Khẳng định ĐÚNG, SAI cho mỗi phương án sau:

Câu 17. Hãy khẳng định ĐÚNG, SAI cách bảo vệ thông tin cá nhân trên Internet

- A. Thay mật khẩu thường xuyên và không cho bất cứ ai biết (đúng)
- B. Không cần làm gì vì máy tính đã được cài đặt sẵn các thiết bị bảo vệ từ nhà sản xuất (sai)
- C. Khi làm việc trên máy tính lạ, nếu lựa chọn lưu mật khẩu vào máy thì lần đăng nhập tiếp theo máy sẽ tự động cung cấp mật khẩu, bất kể người đăng nhập là ai. Như vậy một người khác có thể dễ dàng đăng nhập vào tài khoản của chúng ta. Hơn nữa, nếu máy tính đó bị nhiễm virus thì mật khẩu sẽ bị virus khám phá và tự động chuyển cho kẻ xấu. (đúng)
- D. Bạn An nhận email từ một địa chỉ lạ với nội dung: "Quý khuyến học X tổ chức cuộc thi với phần thưởng là học bổng trị giá... Mời bạn truy cập vào liên kết dưới đây để biết thêm chi tiết về thủ tục dự thi". Bạn An nháy chuột vào liên kết email này cung cấp, sau đó tuân theo các hướng dẫn để nhận được giải thưởng. (Sai)

Câu 18: Em hãy khẳng định ĐÚNG, SAI khi nói về Sơ đồ tư duy:

- A. Sơ đồ tư duy là phương pháp trình bày thông tin một cách trực quan bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh và các đường lối. (Đúng)
- B. Với cùng một nội dung, cùng một yêu cầu tạo sơ đồ tư duy thì hai người khác nhau sẽ tạo ra hai sơ đồ tư duy giống nhau. (Sai)
- C. Sơ đồ tư duy giúp chúng ta sử dụng các kĩ năng của não phải. Não phải là nơi giúp chúng ta xử lí các thông tin về hình ảnh, âm thanh, tưởng tượng, sáng tạo và cảm xúc. (Đúng)
- D. Khi cần ghi chép một nội dung với nhiều thông tin (từ một hoặc nhiều người), hình thức ghi chép **Liệt kê bằng văn bản** sẽ giúp chúng ta tổ chức thông tin phù hợp nhất với quá trình suy nghĩ và thuận lợi trong việc trình bày (Sai)

Câu 19. Thảo là bạn của Vân, có lần Vân gửi cho Thảo ảnh chụp thẻ học sinh để nhờ Thảo làm thủ tục đăng kí tham gia Câu lạc bộ Tin học. Sau đó, trong một lần tranh luận trên mạng xã hội về của thẻ căn cước công dân, Thảo đã vô tình đưa tấm ảnh đó lên. Mặc dù ngày hôm sau Thảo đã xóa đi, nhưng một thời gian sau có kẻ sử dụng những thông tin trên thẻ căn cước công dân để mạo danh Vân lừa đảo người thân của cô một số tiền lớn. Em hãy cho biết mỗi mệnh đề sau đây là đúng hay sai?

- 1) Thảo đã công khai thông tin cá nhân của Vân khi chưa được Vân cho phép. (Đúng)
- 2) Vì Vân chủ động gửi bức ảnh cho Thảo nên Thảo có quyền công khai nó. (Sai)
- 3) Ảnh chụp không phải là bản gốc, dù có đưa lên mạng cũng không sao. (Sai)
- 4) Kẻ mạo danh Vân có tội, Thảo không cố ý nên không có lỗi gì cả. (Sai)

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 20 (1 điểm): Em hãy quan sát sơ đồ tư duy dưới đây và cho biết

a) Kể tên của chủ đề chính.

b) Kể tên các chủ đề nhánh.



Câu 21: (1 điểm). Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, em làm thế nào để sử dụng mạng xã hội và chia sẻ thông tin trên Internet có hiệu quả?

Câu 22: (1 điểm). Mẹ nhờ Ngọc ra siêu thị mua giúp mẹ 2 chai nước cam, mỗi chai giá 40.000 đồng; mua 5 ổ bánh mì, mỗi ổ giá 5000 đồng và mua 3 hộp bơ, mỗi hộp giá 15.000 đồng. Từ dữ liệu trên, em hãy giúp Ngọc liệt kê lại số mặt hàng đã mua, giá của từng loại và tổng số tiền Ngọc đã mua dưới dạng bảng.

-----Hết-----

ĐÁP ÁN

Phần I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn(mỗi câu 0,25 điểm)

Chọn đáp án đúng nhất từ các đáp án A, B, C, D.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
ĐA	A	D	C	B	D	C	C	B	B	A	C	A	A	B	A	C

Phần II. Trắc nghiệm đúng/sai

(Đúng 1 ý được 0,1 điểm; đúng 2 ý được 0,5 điểm; đúng 3 ý được 0,75; đúng 4 ý được 1 điểm).

Câu 17:

A. SAI

B. SAI

C.SAI**D. ĐÚNG****Câu 18:****A.SAI B. ĐÚNG C.SAI D. SAI****Câu 19:****A.ĐÚNG B. SAI C.ĐÚNG D. SAI****PHẦN II : TỰ LUẬN (3,0 điểm)**

Câu	Nội dung đáp án	Biểu điểm					
Câu 20: <i>1 điểm</i>	- Kể được tên chủ đề chính “Truyện ngụ ngôn”	0.5đ					
	- Kể được 04 tên chủ đề nhánh: (kể được 2 chủ đề nhánh: 0.25đ; kể được 04 chủ đề nhánh 0.5đ))	0.25đ					
	+ nội dung kể về	0.25đ					
	+ là loại truyện dân gian						
	+ mục đích truyện						
	+ truyện kể bằng						
Câu 21: <i>1 điểm</i>	- Có trách nhiệm trên môi trường trực tuyến (không đưa những thông tin sai lệch, không đúng sự thật mang tính phản động, dụ dỗ, lôi kéo)	0.5 điểm					
	- Sử dụng công nghệ thông tin để làm bạn với sự giám sát của gia đình, thầy cô giáo. (Thời gian sử dụng Internet rõ ràng hợp lý, được sự cho phép của người lớn)	0.5 điểm					
Câu 22 <i>1 điểm</i>	<i>STT</i>	<i>Đồ dùng</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Đơn giá</i>	<i>Tổng</i>	<i>1 điểm</i>	
	1	Nước cam	2 chai	40.000	80.000		
	2	Bánh mì	5 ổ	5.000	25.000		
	3	Hộp bơ	3 hộp	15.000	45.000		
	Tổng tiền Ngọc mua						150.000

-----Hết-----

MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ CÁC ĐỀ

ĐỀ 1	MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026 MÔN: TIN 6
------	---

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ:

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	1. Đề phòng một số tác hại khi tham gia Internet (2 tiết)	4 (1,2, 3,4)	2 (5,6)		2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				6	3	1	25%
2	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Soạn thảo văn bản cơ bản (5 tiết)	4 (7,8, 9,10)	2 (11,12)		6 (2a,2b) (3a,3b) (4a,4b)	3 (2c) (3c) (4c)	3 (2d) (3d) (4d)		4 (1)	8 (2,3)	10	9	11	75%
Tổng số câu, ý			8	4		8	4	4		4	8	16	12	12	
Tổng số điểm			2	1		2	1	1		1	2	4.0	3.0	3.0	

Tỉ lệ %	30	40	30	40	30	30	30	100%
---------	----	----	----	----	----	----	----	------

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

TT	Chủ đề / Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá								
				TNKQ						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng / Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	1. Đề phòng một số tác hại khi tham gia Internet (2 tiết)	Nhận biết – Nêu được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi tham gia Internet. – Nêu được một vài cách thông dụng để bảo vệ, chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. Thông hiểu – Nêu và thực hiện được một số biện pháp cơ bản để phòng ngừa tác hại khi tham gia Internet với sự hướng dẫn của giáo viên. – Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể, nêu được ví dụ minh hoạ. – Nhận diện được một số thông điệp (chẳng hạn email, yêu cầu kết bạn, lời mời tham gia câu lạc bộ,...) lừa đảo	4 NLa	2 NLb		2 NLa	1 NLb	1 NLb			

			hoặc mang nội dung xấu. Vận dụng – Thực hiện được các thao tác để bảo vệ thông tin và tài khoản cá nhân.									
2	Chủ đề E. Ứng dụng tin học	1. Soạn thảo văn bản cơ bản (5 tiết)	Nhận biết – Nhận biết được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. Thông hiểu Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. Vận dụng – Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in. – Sử dụng được công cụ tìm kiếm và thay thế của phần mềm soạn thảo. – Trình bày được thông tin ở dạng bảng. – Soạn thảo được văn bản phục vụ học tập và sinh hoạt hàng ngày.	4 NLa	2 NLd		6 NLa	3 NLd	3 NLd		4 NLd	8 NLd
Tổng số câu				8	4		8	4	4		4	8
Tổng số điểm				3.0			4.0			3.0		
Tỉ lệ				30			40			30		

ĐỀ 2**MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC****KỲ II****NĂM HỌC 2025-2026****MÔN: TIN 6****MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng Điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH		Thời gian
			Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	Số CH	Thời gian	TN	TL	
4	Chủ đề 4 Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	An toàn thông tin trên Internet	4TN		2 TN(Đ,S)						6		30% 3,0 điểm
5;	Chủ đề 5 Ứng dụng tin học	Sơ đồ tư duy	4TN		1 TN(Đ,S)		1TL				5	1	30 % 3.0 điểm
		Định dạng văn bản	4TN				1TL				4	1	20% 2.0 điểm
		Trình bày thông tin ở	4TN						1TL		4	1	20% 2,0

		dạng bảng												điểm
Tổng			16	12	3	18	2	10	1	5	19	3	45	10
Tỉ lệ %;			40%		30%		12.5%		17.5%		70	30		100%
Tỉ lệ chung					70%				30%					100%

BẢNG DẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TNKQ	TL	TNKQ	T L	TNKQ	TL	TNKQ	TL
1	Chủ đề 4. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	An toàn thông tin trên Internet	Nhận biết – Nêu được một số tác hại và nguy cơ bị hại khi tham gia Internet. (Câu 1 - TN) – Nêu được một vài cách thông dụng để bảo vệ, chia sẻ thông tin của bản thân và tập thể sao cho an toàn và hợp pháp. (Câu 2 - TN) Thông hiểu – Nêu và thực hiện được một số biện pháp cơ bản để phòng ngừa tác hại khi tham gia Internet với sự hướng dẫn của giáo viên. (Câu 17 TN-Đ,S) – Trình bày được tầm quan trọng của sự an toàn và hợp pháp của thông tin cá nhân và tập thể, nêu được ví dụ minh hoạ. – Nhận diện được một số thông điệp (chẳng hạn email, yêu cầu kết bạn, lời mời tham gia câu lạc bộ,...) lừa đảo hoặc mang nội dung xấu. (Câu 18 TN-Đ,S) Vận dụng	2TN					01T L		

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TNKQ	TL	TNKQ	T L	TNKQ	TL	TNKQ	TL
			– Dùng kiến thức đã học về văn hoá môi trường số để có cách sử dụng mạng Internet một cách tốt nhất (Câu 21 TL)								
2	Chủ đề 5. Ứng dụng tin học	1. Sơ đồ tư duy và phần mềm sơ đồ tư duy	Nhận biết: - Biết khái niệm sơ đồ tư duy, lợi ích của sơ đồ tư duy (Câu 3, Câu 4) - Biết sắp xếp một cách logic và trình bày dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm (Câu 5, Câu 6-TN) Thông hiểu – Giải thích được lợi ích của sơ đồ tư duy, nêu được nhu cầu sử dụng phần mềm sơ đồ tư duy trong học tập và trao đổi thông tin. Vận dụng – Sắp xếp được một cách logic và trình bày được dưới dạng sơ đồ tư duy các ý tưởng, khái niệm. (Câu 20 - TL) Vận dụng cao – Sử dụng được phần mềm để tạo sơ đồ tư duy đơn giản phục vụ học tập và trao đổi thông tin.	4TN					1TL		
		2. Định dạng văn	Nhận biết	4TN							

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TNKQ	TL	TNKQ	T L	TNKQ	TL	TNKQ	TL
		bản	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng, tìm kiếm, thay thế trong phần mềm soạn thảo văn bản. (Câu 7, 8 - TN) Nêu được các chức năng đặc trưng của những phần mềm soạn thảo văn bản. Câu 9, 10 - TN) Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được tác dụng của công cụ căn lề, định dạng văn bản. Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện được việc định dạng văn bản, trình bày trang văn bản và in. Soạn thảo được văn bản phục vụ học tập và sinh hoạt hàng ngày. 								
		3. Trình bày thông tin ở dạng bảng	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Biết ưu điểm của việc trình bày thông tin dạng bảng (Câu 11, Câu 12, Câu 13, Câu 14 - TN) Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được thông tin ở dạng bảng bằng phần mềm soạn thảo văn bản. (Câu 15, Câu 16 - TN) Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Tạo được bảng để trình bày thông tin theo yêu cầu 	4TN		2TN					

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC							
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
				TNKQ	TL	TNKQ	T L	TNKQ	TL	TNKQ	TL
			Câu 22 (TL)								
Tổng				16 TN		12TN			3TL		
Tỉ lệ %				40%		30%			30%		
Tỉ lệ chung				70				30%			